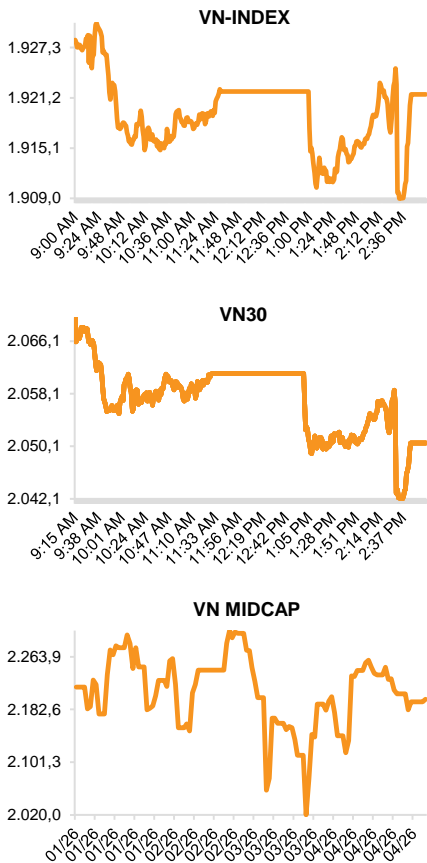


KHỐI PHÂN TÍCH & TƯ VẤN ĐẦU TƯ VNDIRECT
Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT

📍 Số 1 Nguyễn Thượng Hiền, Hai Bà Trưng, Hà Nội
☎️ +84 2439724568
✉️ Research@vndirect.com.vn
🌐 vndirect.com.vn



Hình 1: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ

Chỉ số	HOSE	HNX	UPCOM
Giá đóng cửa (điểm)	1.921,6	257,4	126,4
1 ngày (%)	-0,2	0,9	0,0
1 tháng (%)	6,7	1,9	-1,9
Từ 2026	7,7	3,5	4,5
1 năm (%)	46,3	17,4	32,3
Vốn hóa (nghìn tỷ VND)	343	15	25
Thanh khoản khớp lệnh (nghìn tỷ VND)	0,9	0,7	0,3
Số mã tăng	119	64	127
Số mã giảm	188	85	149
Số mã tham chiếu	95	147	465

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Thị trường chứng khoán

VN-Index điều chỉnh 0,2%, diễn biến ngành phân hóa

Phiên giao dịch ngày 15/05/2026 kết thúc tuần với mức điều chỉnh nhẹ. Kết phiên, VN-Index đóng cửa tại 1.921,6 điểm, giảm 3,9 điểm (-0,2%). Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 113 mã tăng (trong đó bảy mã tăng trần), 187 mã giảm (không mã nào chạm sàn) và 62 mã đứng giá. Tính theo tuần, VN-Index tăng 6,2 điểm, tương đương 0,3%, cho thấy thị trường vẫn giữ được trạng thái ổn định trong tuần dù áp lực chốt lời cuối tuần gia tăng.

Chỉ số VN30 đóng cửa tại 2.050,6 điểm (-0,9%), với tám mã tăng và 21 mã giảm, phản ánh áp lực bán lan rộng trong nhóm vốn hóa lớn. Ngược lại, HNX-Index diễn biến tích cực hơn khi tăng 0,9% lên 257,4 điểm.

Xét về các ngành, 12 nhóm ngành giảm điểm trong khi sáu nhóm tăng. Dầu khí dẫn đầu chiều tăng với +4,4%, tiếp theo là Hóa chất (+3,1%), Dịch vụ tiện ích (+3,1%) và Phương tiện truyền thông (+0,6%). Chiều giảm, Dịch vụ bán lẻ dẫn đầu với -2,1%, tiếp theo là Tài nguyên (-1,9%), Viễn thông (-1,8%), Công nghệ (-1,3%), Ô tô & linh kiện phụ tùng (-1,0%). Diễn biến phân hóa nghiêng về nhóm năng lượng và hàng hóa cơ bản trong khi các ngành dịch vụ tiêu dùng và công nghệ chịu áp lực bán, phản ánh xu hướng luân chuyển dòng tiền sang các lĩnh vực hưởng lợi trực tiếp từ đà tăng của giá dầu và hóa chất.

Thanh khoản khớp lệnh HoSE đạt 20,8 nghìn tỷ đồng, tăng 14,8% so với phiên trước và thấp hơn ngưỡng trung bình 20 phiên gần nhất. Khối ngoại bán ròng 800,1 tỷ đồng trên HoSE, đảo chiều so với trạng thái mua ròng của phiên trước.

Chúng tôi khuyến nghị: 1) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng cổ phiếu cao: VNIndex xác lập đỉnh mới là tín hiệu kỹ thuật tích cực, song độ rộng thị trường âm cho thấy đã phục hồi phụ thuộc vào số ít cổ phiếu vốn hóa lớn. Có thể cân nhắc chốt lời từng phần tại các vị thế đã đạt mục tiêu và hạn chế gia tăng thêm trong bối cảnh đà tăng thiếu chiều rộng; 2) Đối với nhà đầu tư có tỷ trọng tiền mặt cao: Thanh khoản cải thiện mạnh tạo cơ sở để giải ngân có chọn lọc, ưu tiên Bất động sản và Ngân hàng là hai ngành đang dẫn dắt xu hướng với dòng vốn rõ ràng. Tránh phân bổ vào nhóm Dầu khí khi giá dầu toàn cầu tiếp tục điều chỉnh.

Hình 2: DIỄN BIẾN NGÀNH

Ngành	Tỷ trọng	P/E	P/B	Thay đổi (%)				
				1D	1M	YTD	1Y	KL
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	4,2	171,2	3,6	-1,9	1,3	-5,1	6,4	36,3
Hàng tiêu dùng thiết yếu	6,7	19,9	4,9	-0,4	-1,7	-8,9	10,9	11,0
Năng lượng	2,7	16,3	2,1	4,7	16,2	69,9	130,9	35,8
Tài chính	36,1	11,9	1,7	-0,7	1,6	3,3	24,8	25,7
Chăm sóc sức khỏe	0,4	16,5	2,4	-0,4	-3,3	-5,4	0,3	373,7
Công nghiệp	6,9	24,2	4,3	-0,7	0,6	-4,1	41,1	23,1
Công nghệ thông tin	1,6	13,1	3,1	-1,2	-3,2	21,3	-28,1	-65,1
Vật liệu xây dựng	5,9	19,5	1,9	0,7	1,6	15,4	22,6	228,1
Bất động sản	31,3	101,7	8,2	-0,3	21,6	27,0	338,9	7,8
Dịch vụ tiện ích	4,0	15,7	2,5	4,4	7,9	16,1	33,2	68,3

Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Điểm tin

Tin vĩ mô thế giới

- **Toàn cầu:** Thượng đỉnh Donald Trump – Tập Cận Bình tại Bắc Kinh ghi nhận các kết quả tích cực: 1) hai bên cam kết xây dựng khuôn khổ quan hệ bền vững, ưu tiên hợp tác và kiểm soát bất đồng; 2) Trung Quốc đồng ý mua 200 máy bay Boeing và tăng nhập khẩu nông sản Mỹ; 3) Washington và Bắc Kinh thống nhất bảo đảm lưu thông eo biển Hormuz, phản đối Tehran phát triển vũ khí hạt nhân. 4) Phía Trung Quốc cảnh báo xử lý sai vấn đề Đài Loan có thể dẫn đến xung đột, xem đây là nhân tố quyết định cục diện song phương.
- **Mỹ:** Doanh số bán lẻ tháng 4 tăng 4,9% svck (tháng 3: +4,2%), đánh dấu tháng tăng thứ ba liên tiếp. Giá nhập khẩu tháng 4 tăng 4,2% svck (tháng 3: +2,3%); giá xuất khẩu tăng 8,8% svck (tháng 3: +5,4%), phản ánh sức cầu nội địa tích cực xen lẫn nguy cơ lạm phát nhiên liệu do chiến sự. Số đơn xin trợ cấp thất nghiệp tuần kết thúc 9/5 tăng 12.000 lên 211.000 đơn, cho thấy thị trường lao động duy trì trạng thái ổn định.
- **Nhật:** PPI tháng 4 tăng 4,9% svck (tháng 3: +2,9%), đạt mức tăng cao nhất trong ba năm, phản ánh áp lực chi phí đầu vào từ giá dầu và hóa chất leo thang do xung đột Trung Đông. Thị trường đánh giá khả năng cao BoJ tăng lãi suất trong tháng 6, đẩy lợi suất trái phiếu chính phủ kỳ hạn 10 năm lên mức cao nhất 29 năm.

Tin vĩ mô trong nước

- NHNN ban hành Thông tư 08/2026, cho phép ngân hàng loại trừ 80% tiền gửi có kỳ hạn của Kho bạc Nhà nước khỏi cơ sở tính tỷ lệ cho vay, qua đó mở rộng dư địa tín dụng cho toàn hệ thống.
- Thứ trưởng Bộ Ngoại giao Nguyễn Minh Hằng tham dự Hội nghị Bộ trưởng Ngoại giao BRICS mở rộng, đề xuất tăng cường hợp tác an ninh năng lượng, mở rộng năng lượng tái tạo và xây dựng cơ chế hỗ trợ lẫn nhau trước các cú sốc bên ngoài.
- UBCKNN yêu cầu doanh nghiệp nhà nước đẩy mạnh cổ phần hóa và thoái vốn gắn với niềm yết trên thị trường chứng khoán, nhằm mở rộng huy động vốn xã hội và nâng cao quản trị trong bối cảnh mục tiêu tăng trưởng hai con số.

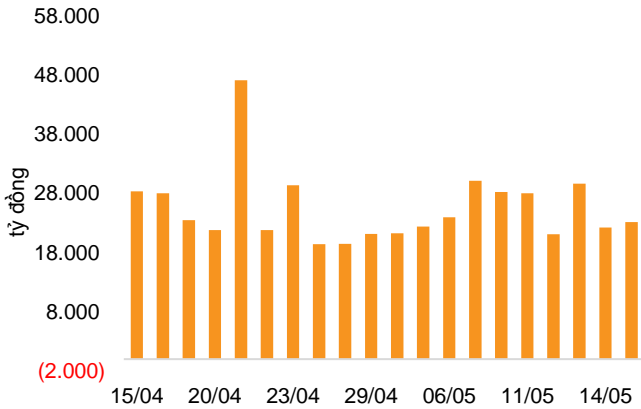
Tin ngành và doanh nghiệp

- **TCB:** Chốt ngày đăng ký cuối cùng 20/5 để nhận cổ tức tiền mặt tỷ lệ 7% (700 đồng/cổ phiếu), thanh toán ngày 10/6, ước tính tổng chi ~5,0 nghìn tỷ đồng, đồng thời thông qua kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm 42,9 nghìn tỷ đồng trong năm 2026.
- **CTR:** Doanh thu tháng 4/2026 đạt 1,3 nghìn tỷ đồng (+25,0% svck); LNTT đạt 63 tỷ đồng (+19,0% svck), trong đó mảng ngoài Tập đoàn tăng 72,0% svck lên 646 tỷ đồng. Lũy kế bốn tháng hoàn thành ~33% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2026.
- **LIX:** Chốt ngày giao dịch không hưởng quyền 20/5 để nhận cổ tức tiền mặt 2025 tỷ lệ 17% (1.700 đồng/cổ phiếu), thanh toán ngày 8/6.

Lịch dữ liệu vĩ mô dự kiến trong tuần

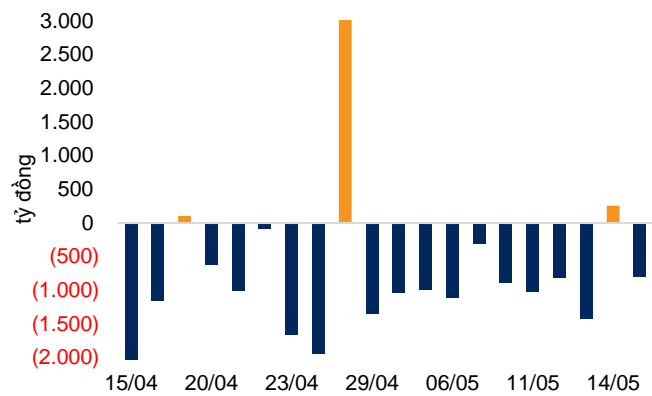
Ngày	Quốc gia	Thông tin công bố
Thứ Hai, 11/05/2026	Trung Quốc	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4/2026
Thứ Ba, 12/05/2026	Mỹ	Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 4/2026
Thứ Tư, 13/05/2026	Mỹ	Chỉ số giá sản xuất (PPI) tháng 4/2026
Thứ Năm, 14/05/2026	Mỹ	Doanh số bán lẻ tháng 4/2026

Hình 3: GIÁ TRỊ GIAO DỊCH HOSE TRONG 20 PHIÊN



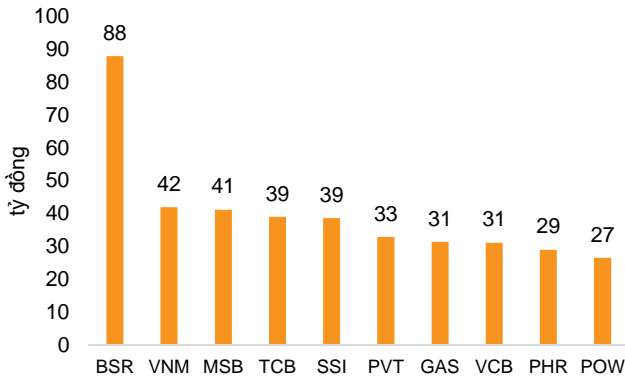
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 4: MUA/BÁN RÒNG KHỎI NGOẠI HOSE TRONG 20 PHIÊN



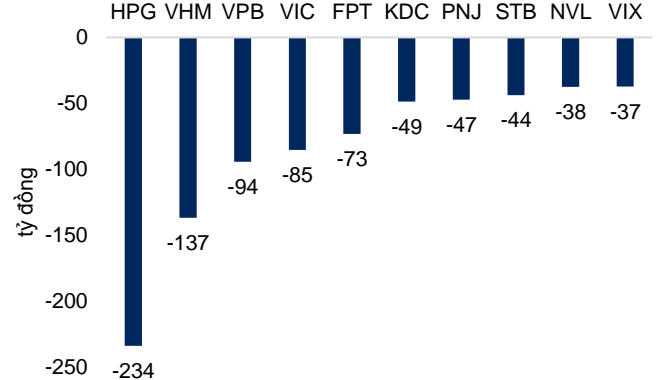
Nguồn: WITS, VNDIRECT RESEARCH

Hình 5: TOP 10 MUA RÒNG TRONG NGÀY



Nguồn: FIIPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 6: TOP 10 BÁN RÒNG TRONG NGÀY



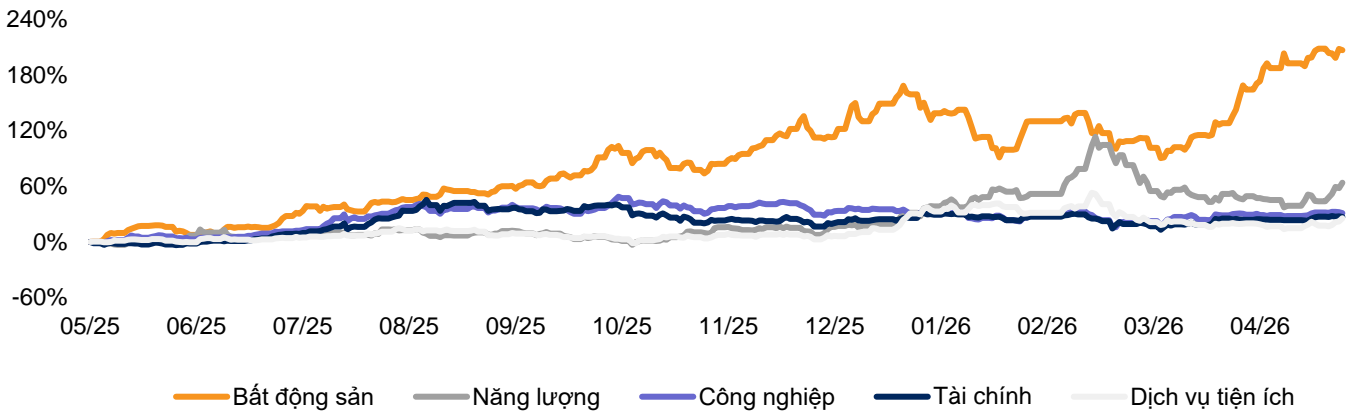
Nguồn: FIIPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 7: DIỄN BIẾN CHỈ SỐ TOÀN CẦU

Quốc gia	Chỉ số	1D (%)	YTD (%)	P/E (lần)	P/B (lần)	ROE (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	GTGD TB 3T (triệu USD)	Lợi suất TPCP 5 năm	Vốn NN từ đầu năm	Tỷ giá (% MoM)	Tỷ giá (% Svck)
Trung Quốc	Shanghai Index	-1,0%	4,2%	19,2	1,6	-11,5%	2,2%	154.554	1,5%	17.878	0,2%	5,9%
Ấn Độ	NSE500 Index	-0,1%	-5,3%	24,3	3,4	15,2%	1,2%	10.693	6,9%	-23.124	-2,7%	-10,8%
Indonesia	JCI Index	-2,0%	-22,2%	15,8	1,8	11,7%	3,8%	996	6,6%	-2.415	-2,6%	-6,1%
Singapore	FSTAS Index	-0,4%	7,5%	17,8	1,5	9,0%	4,3%	1.569	1,8%	1.139	-0,7%	1,4%
Malaysia	FBME Index	-0,3%	4,8%	17,0	1,5	8,3%	3,7%	729	3,4%	345	0,1%	8,4%
Philippines	PCOMP Index	-0,7%	-2,9%	8,7	1,0	10,4%	3,8%	101	5,8%	-64	-2,6%	-9,7%
Thái Lan	SET Index	-1,5%	20,4%	12,8	1,4	9,1%	4,3%	2.040	1,5%	802	-1,8%	1,9%
Việt Nam	VN-Index	-0,2%	7,7%	15,7	2,2	15,1%	1,4%	910	4,1%	-1.926	-0,1%	-1,6%

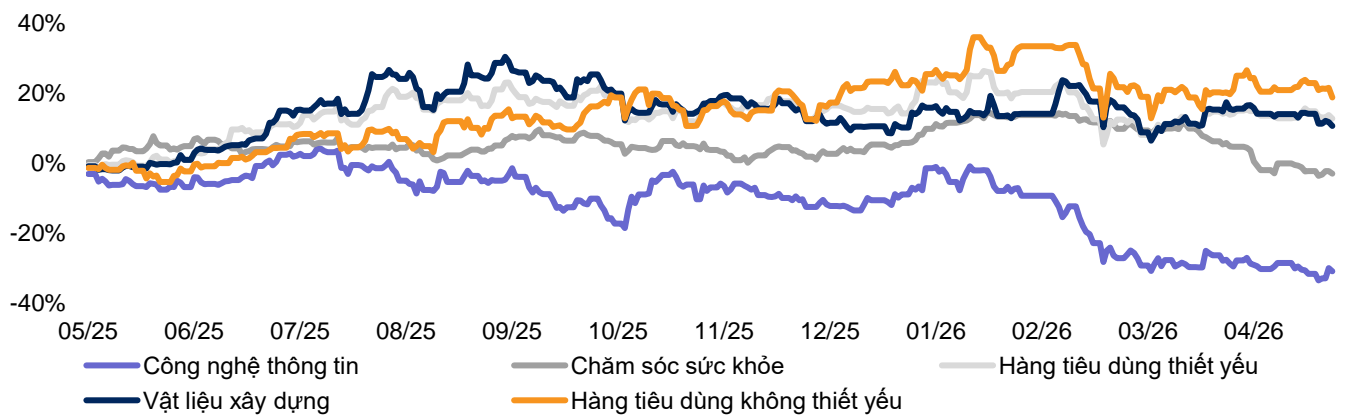
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 8: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN TRÊN)



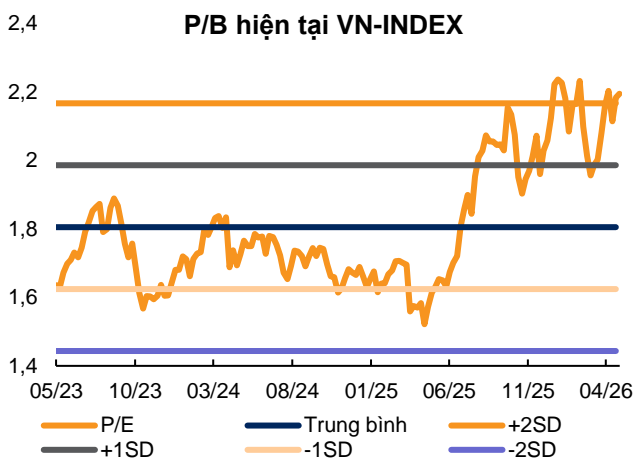
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 9: TOP 5 NGÀNH CÓ HIỆU SUẤT TỐT NHẤT TRÊN HOSE (CẬN DƯỚI)



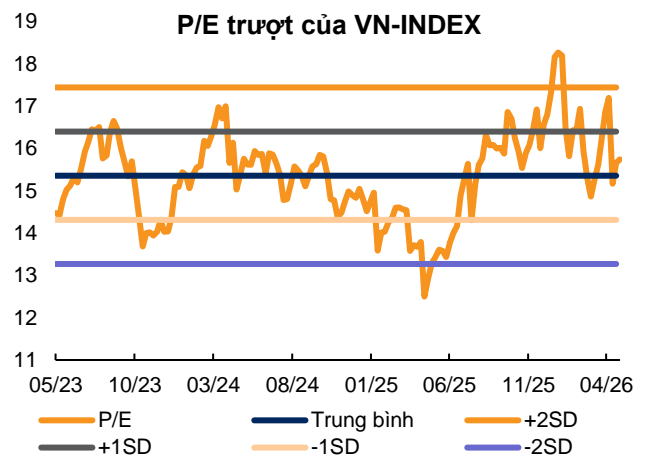
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 10: P/B HIỆN TẠI



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 11: P/E TRƯỢT



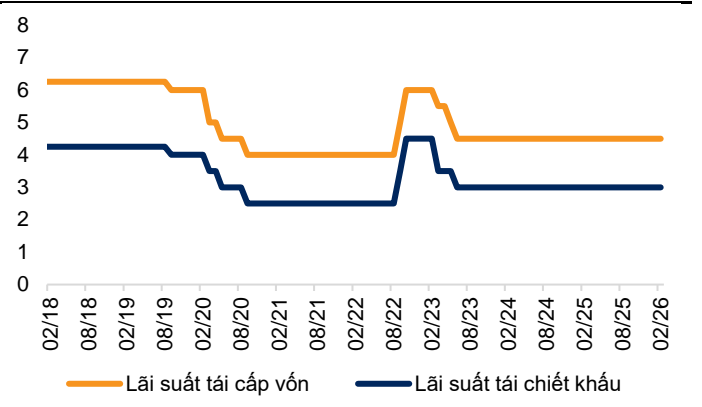
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 12: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG TIỀN TỆ

Thị trường tiền tệ	Giá đóng cửa	Thay đổi (%)			
		1D	1M	YTD	1Y
Lợi suất TPCP Việt Nam 5 năm (%/năm)	4,05	0,1	-0,4	24,5	65,7
Lãi suất liên ngân hàng qua đêm (%/năm)	5,20	-15,4	34,0	215,2	30,0
Lãi suất liên ngân hàng 1 tháng (%/năm)	6,61	0,3	-7,0	-19,9	52,0
USD/VND	26.357	0,0	-0,1	-0,2	-1,6
DXY	99,17	0,4	1,1	0,9	-1,7
Lợi suất TPCP Mỹ 10 năm (%/năm)	4,54	1,4	6,1	9,0	2,5
Lợi suất TPCP Mỹ 3 năm (%/năm)	4,11	1,2	8,6	16,1	4,0

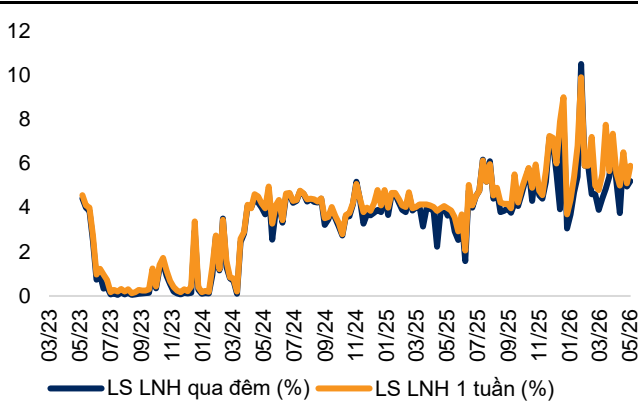
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 13: LÃI SUẤT CƠ BẢN NHNN VIỆT NAM



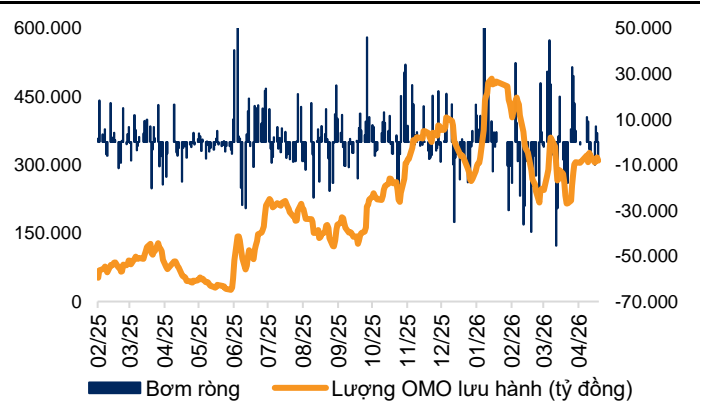
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 14: LÃI SUẤT LIÊN NGÂN HÀNG



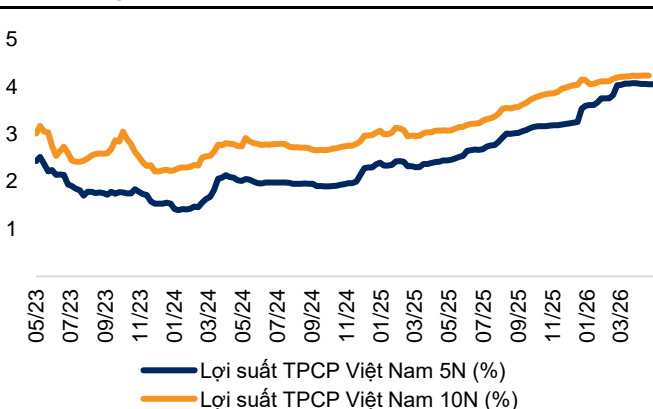
Nguồn: SBV, FIINPRO, VNDIRECT RESEARCH

Hình 15: NHNN BƠM/HÚT QUA KÊNH OMO



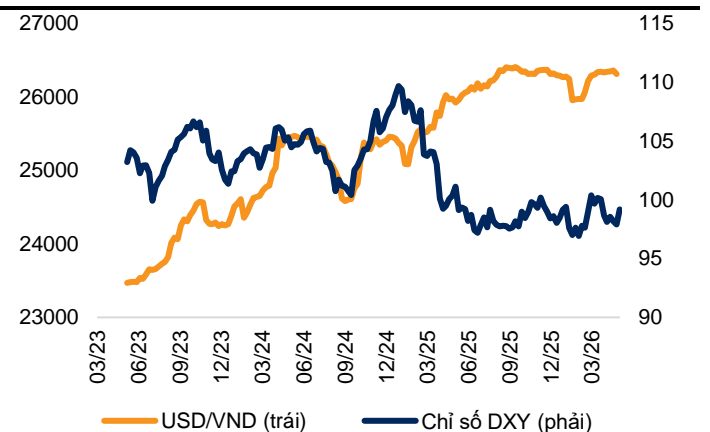
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: LỢI SUẤT TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: TỶ GIÁ



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 19: DIỄN BIẾN THỊ TRƯỜNG HÀNG HÓA

Năng lượng	1 ngày	1 tháng	1 năm
WTI	3,7%	15,0%	70,3%
Brent Crude	3,3%	15,0%	69,2%
JKM LNG	1,6%	-7,5%	67,0%
Henry Hub LNG	0,1%	-11,0%	48,6%
NW Thermal Coal	-3,5%	0,0%	-15,8%
Singapore Platt FO	0,7%	8,9%	61,3%

Kim loại quý	% dod	% mom	% yoy
Vàng	-2,6%	-4,9%	41,5%
Vàng SJC trong nước			
Bạc	-7,8%	-1,7%	141,0%
Bạch kim	-3,3%	-4,3%	103,1%

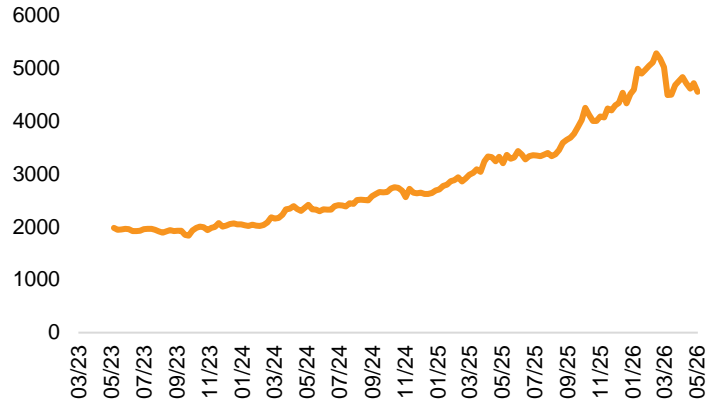
Kim loại cơ bản	% dod	% mom	% yoy
Vonfram	0,0%	0,0%	596,3%
Đồng	-3,6%	4,0%	36,2%
Nhôm	0,3%	4,3%	47,6%
Niken	-1,5%	3,6%	19,3%
Kẽm	-0,2%	4,7%	8,1%
Chì	NA	NA	NA
Thép	0,2%	1,9%	-2,6%
Quặng sắt	0,1%	2,8%	4,7%

Nông sản	% dod	% mom	% yoy
Gạo	-0,4%	16,5%	-1,6%
Arabica	-0,6%	-2,7%	-21,3%
Đường	-0,3%	10,7%	-15,4%
Cacao	-1,9%	18,2%	-59,9%
Dầu cọ	0,4%	-1,9%	NA
Bông	-2,2%	9,3%	25,4%
Sữa bột	0,1%	0,0%	-8,8%
Lúa mì	-0,4%	10,4%	23,0%
Đậu tương	0,0%	2,1%	13,4%
Hạt điều	NA	0,0%	2,8%
Cao su	2,6%	9,3%	28,2%
Urê	-4,9%	-5,2%	96,4%

Chăn nuôi	% dod	% mom	% yoy
Heo hơi	-1,3%	10,0%	9,4%
Gia súc	-0,3%	-0,2%	17,8%

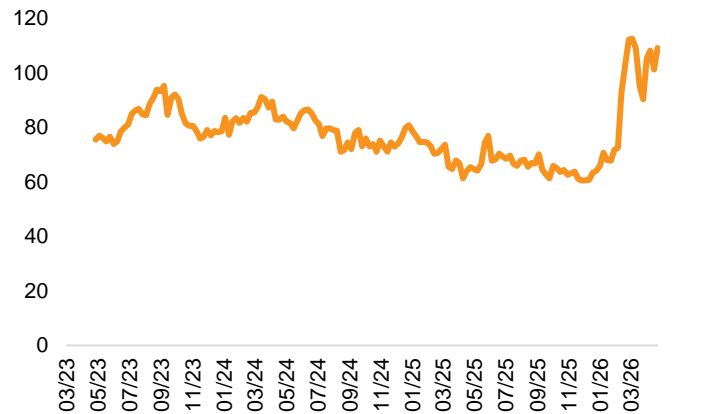
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 16: GIÁ VÀNG



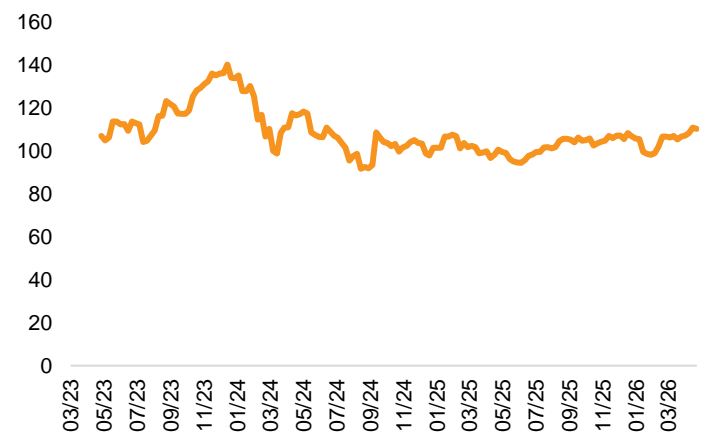
Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 17: GIÁ DẦU BRENT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Hình 18: GIÁ QUẶNG SẮT



Nguồn: BLOOMBERG, VNDIRECT RESEARCH

Danh mục cổ phiếu theo dõi của VNDIRECT RESEARCH

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
Hàng không										
ACV	5.980	2,1	2.818	44.000	73.300	67,8%	1,2%	14,8	2,2	16%
AST	123	0,0	4	72.000	85.400	22,1%	3,5%	11,0	4,7	47%
HVN	2.520	1,2	547	21.350	43.400	106,2%	2,9%	8,4	11,2	
VJC	3.845	8,4	910	171.300	113.600	-33,1%	0,6%	38,8	3,9	11%
Bán lẻ										
BAF	407	2,7	192	35.300	37.200	5,4%		55,8	2,6	4%
DGW	356	3,9	95	42.400	49.600	19,3%	2,4%	14,6	2,6	19%
FRT	866	2,4	148	134.000	150.300	12,4%	0,3%	25,0	5,1	28%
MCH	6.532	2,0		133.000	147.000	12,1%	1,5%	25,1	10,0	42%
MWG	4.568	23,5	-1	82.000	96.300	18,7%	1,2%	14,7	3,4	25%
PNJ	1.307	5,6	10	67.300	109.900	64,3%	1,0%	9,8	2,4	28%
QNS	679	0,3	276	48.700	53.400	13,8%	4,1%	8,0	1,4	18%
SAB	2.362	1,6	981	48.550	59.900	29,6%	6,2%	13,3	2,8	21%
VHC	511	2,5		60.000	71.300	22,2%	3,3%	9,0	1,4	16%
VNM	4.742	13,1	2.423	59.800	74.800	29,8%	4,8%	13,6	3,8	28%
Tài chính										
ACB	4.541	11,9	203	23.300	31.300	38,1%	3,7%	7,4	1,2	18%
BID	11.863	13,1	1.474	42.950	47.200	10,9%	1,0%	9,8	1,7	18%
CTG	10.550	13,1	509	35.800	49.000	37,7%	0,9%	7,3	1,5	22%
HDB	5.232	14,0	273	27.550	39.500	45,7%	2,3%	7,6	1,7	25%
LPB	5.837	2,9	237	51.500	33.400	-29,3%	5,8%	13,8	3,1	23%
MBB	7.839	19,3	20	25.650	32.900	30,2%	1,9%	7,5	1,4	21%
STB	5.214	22,6	925	72.900	45.700	-36,5%	0,8%	17,9	2,2	8%
TCB	9.155	16,2	4	34.050	40.300	20,4%	2,1%	9,3	1,4	16%
TPB	1.652	8,1	96	15.700	17.800	19,4%	6,1%	5,9	1,0	18%
VCB	19.243	19,2	1.922	60.700	69.300	14,9%	0,7%	14,1	2,2	16%
VIB	2.079	3,8	4	16.100	23.600	52,2%	5,6%	7,2	1,1	16%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
VPB	8.293	17,1	452	27.550	37.100	36,5%	1,8%	8,3	1,3	16%
Dệt may										
MSH	154	0,6	65	36.100	40.600	15,2%	2,8%	6,6	2,1	33%
TCM	98	1,1	2	23.050	29.800	31,5%	2,2%	11,2	1,1	10%
Khu công nghiệp										
BCM	2.120	1,5	701	54.000	68.600	29,1%	2,0%	16,6	2,6	16%
GMD	1.293	6,0	92	79.900	72.000	-7,1%	2,8%	19,5	2,5	13%
HAH	368	4,7	80	57.500	55.400	-2,3%	1,3%	8,0	2,1	27%
VSC	305	6,8	146	21.500	19.100	-8,8%	2,3%	29,4	1,6	6%
IDC	632	4,5	204	43.900	45.600	7,3%	3,4%	9,0	2,5	31%
KBC	1.145	4,9	462	32.050	30.000	-5,2%	1,2%	19,5	1,2	7%
PHR	367	1,0	129	71.300	68.400	-2,2%	1,9%	14,6	2,2	16%
VTP	427	1,7	192	65.100	129.200	99,7%	1,2%	30,9	6,1	21%
Tài nguyên cơ bản										
DGC	742	12,4	323	51.500	128.300	155,0%	5,8%	7,9	1,3	17%
HPG	7.732	44,0	2.063	26.550	30.000	14,9%	1,9%	9,7	1,5	16%
Dầu khí										
BSR	6.032	21,5	2.864	31.750	16.700	-46,0%	1,4%	12,2	2,3	21%
GAS	8.184	9,2	3.839	89.400	78.400	-10,0%	2,3%	18,6	3,1	18%
OIL	620	4,4	38	15.800	14.800	-4,7%	1,6%	46,1	1,6	3%
PLX	2.034	10,9	112	42.200	47.700	15,9%	2,8%	30,9	2,0	10%
PVD	711	8,8	278	33.700	32.600	4,2%	7,4%	16,0	1,1	7%
PVS	796	12,7	260	41.000	41.800	3,5%	1,6%	10,8	1,4	13%
PVT	429	9,9	153	24.050	23.400	-1,8%	0,9%	9,9	1,3	13%
Phân bón - Hóa chất										
DPM	697	10,4	313	27.000	22.700	-12,7%	3,2%	16,0	1,6	11%
DCM	879	9,7	342	43.750	40.000	-4,0%	4,6%	11,3	2,0	19%
DDV	149	1,9	68	26.800	39.700	51,5%	3,4%	6,2	1,7	31%

Mã chứng khoán	Vốn hóa (triệu USD)	Thanh khoản TB 3 tháng (triệu USD)	Room nước ngoài (triệu usd)	Giá đóng cửa (VND)	Giá mục tiêu (VND)	Tiềm năng tăng giá (%)	Tỷ suất cổ tức (%)	P/E (x)	P/B (x)	ROE (%)
PLC	69	0,6	33	22.400	34.100	54,5%	2,2%	#N/A N/A	1,4	9%
Điện										
POW	1.641	9,9	775	14.550	14.400	0,1%	1,1%	17,6	1,2	7%
Điện và BĐS										
HDG	347	2,9	110	24.750	37.400	53,1%	2,0%	13,8	1,4	10%
PC1	279	8,8	103	17.850	26.500	48,5%	0,0%	8,0	1,1	15%
REE	1.239	3,1	0	60.300	76.600	28,7%	1,7%	12,4	1,5	13%
Bất động sản										
DXG	677	10,1	199	16.050	18.300	26,5%	12,5%	75,5	1,3	2%
KDH	996	4,5	237	23.400	41.800	79,9%	1,3%	23,4	1,4	6%
NLG	488	3,6	47	26.500	42.200	61,0%	1,7%	19,6	1,0	6%
VHM	24.622	28,9	10.381	158.000	93.600			10,0	2,5	28%
VRE	2.931	8,4	1.055	34.000	32.000	-2,8%	3,1%	11,2	1,5	15%
Công nghệ										
FPT	4.712	37,3	933	72.900	118.200	63,5%	1,4%	12,8	3,2	27%

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Khối Phân Tích & Tư Vấn Đầu Tư - Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT. Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về độ chính xác hay đầy đủ của những thông tin này.

Quan điểm, dự báo và những ước tính trong báo cáo này chỉ thể hiện ý kiến của tác giả tại thời điểm phát hành. Những quan điểm này không thể hiện quan điểm chung của VNDIRECT và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của Công ty Cổ phần Chứng khoán VNDIRECT tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo này. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo này, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo này. VNDIRECT không chịu trách nhiệm về bất cứ kết quả nào phát sinh từ việc sử dụng nội dung của báo cáo dưới mọi hình thức.

Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của VNDIRECT, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của VNDIRECT.

ĐỊA CHỈ LIÊN HỆ**Hội sở**

1 Nguyễn Thượng Hiền,
Phường Hai Bà Trưng, Hà Nội
ĐT: +84 24 3972 4568
Fax: +84 24 3972 4568

Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh

Tòa nhà 90 Pasteur,
Phường Sài Gòn, TP. HCM
ĐT: +84 28 7300 0688
Fax: +84 28 3914 6924

Chi nhánh Đà Nẵng

57 Duy Tân,
Phường Hoa Cường, Đà Nẵng
ĐT: +84 511 382 1111
Fax: NA

Chi nhánh Vinh – Nghệ An

204, tờ bản đồ số 01, khối Yên Vinh,
Phường Trường Vinh, Nghệ An
ĐT: +84 23 8730 2886
Fax: NA

Chi nhánh Cần Thơ

Tầng 3 Tòa nhà STS, 11B Hòa Bình,
Phường Ninh Kiều, Cần Thơ
ĐT: +84 710 3766 959
Fax: NA

Chi nhánh Quảng Ninh

Tầng 1, 2, 3, Khu CC Việt Hàn,
Phường Hồng Gai, Quảng Ninh
ĐT: +84 98 8619 695
Fax: NA

Chi nhánh Thanh Hoá

Tầng 2, số 11 Hạc Thành
Phường Hạc Thành, Thanh Hóa
ĐT: +84 90 3255 202
Fax: NA

Chi nhánh Bình Dương

Tầng 1, 280 đường 30/04, Khu 03,
Phường Thủ Dầu Một, TP. HCM
ĐT: +84 27 4222 2659
Fax: +84 27 4222 2660

Chi nhánh Nam Định

88-90 Phạm Sư Mạnh,
Phường Nam Định, Ninh Bình
ĐT: +84 22 8352 8819
Fax: NA